

Số: 1759/TB-SXD

Kiên Giang, ngày 07 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc nhà hình thành tương lai đủ điều kiện được bán, thuê mua Dự án nhà ở xã hội Khu đô thị Tây Bắc – Phần đầu tư xây dựng nhà ở xã hội – (Đợt 4) gồm các Lô C6 (5-15), (16-25), (26-35), (36-45); D7 (35-góc), (36-góc); D8 (35-góc), (36-góc); D9 (29-góc); D13 (1-góc), (56-góc); D14 (29-36), (28-góc), (36a-góc), (1-góc), (63-góc); D15 (31-33a), (30-góc), (60-góc)

Sở Xây dựng nhận được Thông báo số 90/TB-TVĐTXD ngày 31/5/2023 của Công ty CPTĐ Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang về việc nhà hình thành tương lai đủ điều kiện được bán, thuê mua Dự án nhà ở xã hội Khu đô thị Tây Bắc – Phần đầu tư xây dựng nhà ở xã hội các Lô C6 (5-15), (16-25), (26-35), (36-45); D7 (35-góc), (36-góc); D8 (35-góc), (36-góc); D9 (29-góc); D13 (1-góc), (56-góc); D14 (29-36), (28-góc), (36a-góc), (1-góc), (63-góc); D15 (31-33a), (30-góc), (60-góc). Sau khi xem nội dung Thông báo và các hồ sơ có liên quan, kết hợp với kiểm tra thực tế về hệ thống hạ tầng tại hiện trường của dự án, Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

1. Về căn cứ pháp lý liên quan đến Dự án nhà ở xã hội Khu đô thị Tây Bắc - Phần đầu tư xây dựng nhà ở xã hội - Đợt 4 các Lô C6 (5-15), (16-25), (26-35), (36-45); D7 (35-góc), (36-góc); D8 (35-góc), (36-góc); D9 (29-góc); D13 (1-góc), (56-góc); D14 (29-36), (28-góc), (36a-góc), (1-góc), (63-góc); D15 (31-33a), (30-góc), (60-góc). Công ty CPTĐ Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang đã nộp kèm thông báo gồm:

- Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của UBND tỉnh Kiên Giang, về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới lần biên Tây Bắc thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tỷ lệ 1/500, quy mô 980.000m²;

- Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang, về việc điều chỉnh Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới lần biên Tây Bắc thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tỷ lệ 1/500, quy mô 994.039 m²;

- Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang, về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch sử dụng đất và giao thông đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới lần biên Tây Bắc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 994.035m² (điều chỉnh lần 2).



- Quyết định số: 1113/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang, về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ các ô đất ký hiệu C6, C7, C8, C9, C10, C11, D1, D2, D3, D4, D6, D7, D8, D9, D10, D11, D13, D14, D15 thuộc đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới lấn biển Tây Bắc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 994.035m² (*chuyển đổi đất tái định cư sang nhà ở xã hội*).
- Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 16/01/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang, về việc chỉ định chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới lấn biển Tây Bắc thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang;
- Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 25/4/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang, về việc giao đất có mặt nước ven biển, cho thuê đất có mặt nước ven biển cho Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang tại phường Vĩnh Quang và phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang để sử dụng vào mục đích ở tại đô thị; đất thương mại, dịch vụ và xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới lấn biển Tây Bắc thành phố Rạch Giá;
- Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang, về việc điều chỉnh Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 25/4/2015;
- Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 về việc điều chỉnh quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang;
- Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 của UBND Tỉnh Kiên Giang, về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu đô thị mới lấn biển Tây Bắc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang- Phần hạ tầng kỹ thuật;
- Công văn số 1868/SXD-QLXD ngày 29/11/2016 của Sở Xây dựng về thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công công trình: Hệ thống giao thông, vỉa hè; Hệ thống thoát nước mưa; Hệ thống thoát nước thải; Hệ thống cấp nước; Hệ thống cây xanh thuộc dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới lấn biển Tây Bắc thành phố Rạch Giá – Phần hạ tầng kỹ thuật;
- Công văn số 2054/SXD-QLXD ngày 28/12/2016 của Sở Xây dựng về thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công công trình: san lấp mặt bằng; Hệ thống cấp điện chiếu sáng (Hạ thế ngầm 3P-4D-380V) thuộc dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới lấn biển Tây Bắc thành phố Rạch Giá – Phần hạ tầng kỹ thuật;
- Công văn số 1385/SXD-QLXD ngày 05/7/2016 của Sở Xây dựng về thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội Khu đô thị Tây Bắc thành phố Rạch Giá;
- Quyết định số 10/QĐ-HĐQT ngày 22/4/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang, về việc phê duyệt dự án đầu

tur Khu đô thị mới lấn biển Tây Bắc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang – Phần hạ tầng kỹ thuật;

- Quyết định số: 158/QĐ-TVĐTXD ngày 14/07/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang, về việc phê duyệt dự án đầu tư Nhà ở xã hội Khu đô thị Tây Bắc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Các Biên bản nghiệm thu hạ tầng kỹ thuật:

+ Biên bản số 10 ngày 13/6/2022 Nghiệm thu hoàn thành giai đoạn xây lắp hạng mục: hệ thống cấp điện trung thế, trạm biến áp khu C, D;

+ Biên bản số 10 ngày 17/6/2022 Nghiệm thu hoàn thành giai đoạn xây lắp hạng mục: hệ thống cấp điện hạ thế khu C, D;

+ Biên bản số 10 ngày 27/6/2022 Nghiệm thu hoàn thành giai đoạn xây lắp hạng mục: hệ thống cấp điện chiếu sáng khu C, D;

+ Biên bản số 10 ngày 23/5/2022 Nghiệm thu hoàn thành giai đoạn xây lắp hạng mục: cấp nước sinh hoạt – PCCC khu C,D;

+ Biên bản số 06 ngày 16/6/2022 Nghiệm thu hoàn thành đoạn xây lắp hạng mục: hệ thống giao thông vỉa hè, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, lối thông hành địa dịch khu A, B, C, D.

- 19 Biên bản nghiệm thu xây dựng phần móng nhà ở Lô **C6** (5-15), (16-25), (26-35),(36-45); **D7** (35-góc), (36-góc); **D8** (35-góc), (36-góc); **D9** (29-góc); **D13** (1-góc), (56-góc); **D14** (29-36), (28-góc), (36a-góc), (1-góc), (63-góc); **D15** (31-33a), (30-góc), (60-góc).

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công các mẫu nhà ở xã hội Lô **C6** (5-15), (16-25), (26-35),(36-45); **D7** (35-góc), (36-góc); **D8** (35-góc), (36-góc); **D9** (29-góc); **D13** (1-góc), (56-góc); **D14** (29-36), (28-góc), (36a-góc), (1-góc), (63-góc); **D15** (31-33a), (30-góc), (60-góc).

- Biên bản ngày 05/7/2023 của Sở Xây dựng, Phòng Quản lý đô thị thành phố Rạch Giá và Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang kiểm tra hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xây dựng nhà ở xã hội tại Khu đô thị Tây Bắc thành phố Rạch Giá – đợt 4 (66 căn nhà ở tại lô C6, D7, D8, Đ, D13, D14, D15).

2. Về việc đủ điều kiện được bán, thuê mua nhà ở xã hội hình thành trong tương lai của Dự án nhà ở xã hội Khu đô thị Tây Bắc - Đợt 4.

Căn cứ theo Luật Kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014 của Quốc hội.

Sở Xây dựng thống nhất danh sách đủ điều kiện được được bán, thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai theo quy định thuộc Dự án nhà ở xã hội Khu đô



thị Tây Bắc – Phân đầu tư xây dựng nhà ở xã hội - Đợt 4 tại các Lô **C6** (5-15), (16-25), (26-35),(36-45); **D7** (35-góc), (36-góc); **D8** (35-góc), (36-góc); **D9** (29-góc); **D13** (1-góc), (56-góc); **D14** (29-36), (28-góc), (36a-góc), (1-góc), (63-góc); **D15** (31-33a), (30-góc), (60-góc). Tổng số 66 căn tương đương với với diện tích đất là 4.583,40 m², diện tích xây dựng 4.401,64 m², diện tích sàn 9.213,79 m² (Chi tiết danh sách xem phụ lục đính kèm).

Sở Xây dựng đề nghị chủ đầu tư thực hiện các nội dung sau:

- Ký hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai đúng đối tượng mua, thuê mua nhà ở xã hội đúng theo quy định.

- Trước khi mở bán, chủ đầu tư phải thực hiện đảm bảo các căn cứ pháp lý có liên quan tại Điều 62, Điều 63 của Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 và các quy định tại điều 55, điều 56 của Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 của Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Cty CPTĐTVDTXDKG;
- Ban Giám đốc SXD;
- Phòng QLN & TTBDS;
- Lưu VT, Lqnhân.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Ngọc Lân

Phụ lục 1

**DANH SÁCH NHÀ Ở XÃ HỘI KHU ĐÔ THỊ TÂY BẮC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HUY ĐỘNG
VỐN - ĐỢT 4**

(Kèm theo Thông báo số 1759/TB-SXD ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Sở Xây dựng Kiên Giang)

ST	Kí hiệu lô căn	Quy mô căn hộ	DT Đất	DIỆN TÍCH (M2)			Ghi Chú
				DT Xây Dựng	DT Sàn	Tên Đường	
	KHU C						
	LÔ C6						
1	Căn 5	1 trệt 1 lầu	66.00	63.90	132.84	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
2	Căn 6	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
3	Căn 7	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
4	Căn 8	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
5	Căn 9	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
6	Căn 10	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
7	Căn 11	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
8	Căn 12	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
9	Căn 12A	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
10	Căn 12B	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
11	Căn 15	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
12	Căn 16	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
13	Căn 17	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
14	Căn 18	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
15	Căn 19	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
16	Căn 20	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
17	Căn 21	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
18	Căn 22	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
19	Căn 22A	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
20	Căn 24	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
21	Căn 25	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
22	Căn 26	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
23	Căn 27	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
24	Căn 28	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
25	Căn 29	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
26	Căn 30	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
27	Căn 31	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
28	Căn 32	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
29	Căn 33	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
30	Căn 34	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
31	Căn 35	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
32	Căn 36	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu

33	Căn 37	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
34	Căn 38	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
35	Căn 39	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
36	Căn 40	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
37	Căn 41	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
38	Căn 42	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
39	Căn 43	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
40	Căn 44	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
41	Căn 45	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.38	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
	KHU D						
	LÔ D7						
1	Căn 35 (góc)	1 trệt 1 lầu	69.63	64.63	139.76	Đường số 2	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
2	Căn 36 (góc)	1 trệt 1 lầu	69.63	64.63	139.76	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
	LÔ D8						
1	Căn 35 (góc)	1 trệt 1 lầu	69.63	64.63	138.75	Đường số 4	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
2	Căn 36 (góc)	1 trệt 1 lầu	69.63	64.63	139.76	Đường số 2	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
	LÔ D9						
1	Căn 29 (góc)	1 trệt 1 lầu	69.63	64.63	137.88	Đường số 2	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
	LÔ D13						
1	Căn 1 (góc)	1 trệt 1 lầu	69.63	64.63	139.28	Đường số 2	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
2	Căn 56 (góc)	1 trệt 1 lầu	69.63	64.63	139.28	Đường số 1	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
	LÔ D14						
1	Căn 29	1 trệt 1 lầu	69.27	67.17	139.44	Đường số 16	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
2	Căn 30	1 trệt 1 lầu	69.30	67.20	139.47	Đường số 16	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
3	Căn 31	1 trệt 1 lầu	69.30	67.20	139.47	Đường số 16	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
4	Căn 32	1 trệt 1 lầu	69.30	67.20	139.47	Đường số 16	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
5	Căn 33	1 trệt 1 lầu	69.30	67.20	139.47	Đường số 16	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
6	Căn 34	1 trệt 1 lầu	69.30	67.20	139.47	Đường số 16	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
7	Căn 35	1 trệt 1 lầu	69.30	67.20	139.47	Đường số 16	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
8	Căn 36	1 trệt 1 lầu	69.30	67.20	139.47	Đường số 16	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
9	Căn 28 (góc)	1 trệt 1 lầu	63.94	59.60	127.67	Đường số 16	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
10	Căn 36a (góc)	1 trệt 1 lầu	63.94	59.60	127.67	Đường số 16	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
11	Căn 1 (góc)	1 trệt 1 lầu	69.63	64.63	139.88	Đường số 4	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
12	Căn 63 (góc)	1 trệt 1 lầu	69.63	64.63	139.28	Đường số 2	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
	LÔ D15						
1	Căn 31	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.42	Đường số 4	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
2	Căn 32	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.42	Đường số 4	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
3	Căn 33	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.42	Đường số 4	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
4	Căn 33a	1 trệt 1 lầu	69.75	67.50	140.42	Đường số 4	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
5	Căn 30 (góc)	1 trệt 1 lầu	69.85	64.67	139.49	Đường số 4	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
6	Căn 60 (góc)	1 trệt 1 lầu	69.63	64.63	139.88	Đường số 4	Nhà phố 1 trệt 1 lầu
Tổng	66 căn		4,583.40	4,401.64	9,213.79		